

Bản án số: 265/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt

Ông Nguyễn Văn Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2024/QĐ-ST ngày 20/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 24/11/1989 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 11/9/1995 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Chị T ủy quyền cho bà Chu Thị H, sinh năm 1976; Nơi thường trú: thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Chu Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị T được tự do tìm hiểu tại Đài Loan sau đó đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh

làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Sau khi kết hôn một thời gian anh, chị cùng quay lại Đài Loan làm việc. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hoàn thuận nhưng từ tháng 5/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12/2021 đến nay anh và chị T không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh về nước sinh sống, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 12/12/2018. Do từ khi cháu sinh ra cho đến nay cháu do bà ngoại trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn anh, chị T thỏa thuận giao con chung cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Chu Thị H (bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T (Có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đ) trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân như anh D trình bày. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh D xin ly hôn chị đồng ý. Chị cũng đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị, anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 12/12/2018. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà H (bà ngoại) tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ly hôn anh đề nghị giao cháu A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhưng do chị T đang lao động tại Đài Loan nên anh đề nghị tạm giao cháu A cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị H trình bày:

Về hôn nhân của chị T, anh D: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân như anh D, chị T trình bày.

Về con chung: Chị T, anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 12/12/2018. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A giúp chị T cho đến khi chị T về nước sinh sống. Bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A từ khi sinh ra cho đến nay là quyền cũng như nghĩa vụ của ông bà đối với con cháu

nên không yêu cầu chị T, anh D phải trích trả ông, bà công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị T, bà Chu Thị H vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Văn D; bản tự khai của chị Nguyễn Thị T, bà Chu Thị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh D khởi kiện xin ly hôn chị T và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Anh D là nguyên đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Chị T là bị đơn đang lao động tại Đài Loan và có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T

[4]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn chị Nguyễn Thị T

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh D với chị T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh D, chị T chung sống hòa thuận và cùng sang Đài Loan lao động. Tại bản tự khai anh D, chị T đều xác định vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, sống ly thân nhau một thời gian dài nên đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị T phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về nuôi con chung: Anh D, chị T có 01 con chung cháu Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 12/12/2018. Hiện nay cháu A đang sinh sống cùng chị T và bà ngoại tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi ly hôn anh D đề nghị giao cháu A cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao cháu A cho chị T trực tiếp, nuôi dưỡng sau ly hôn của anh D, Hội đồng xét xử thấy: Anh D, chị T đều thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Bà H là mẹ chị T đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A thay chị T cho đến khi chị T về nước sinh sống. Trên thực tế từ khi chị T, anh D đi lao động đến nay cháu A vẫn sinh sống cùng bà H, cháu phát triển ổn định cả về vật chất lẫn tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh D về việc giao chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A sau khi ly hôn nhưng tạm giao cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Nguyễn Văn D, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh D, chị T, bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về tài sản, công nợ chung: Do anh D, chị T, bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn D, bà Chu Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị T

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 12/12/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu A cho bà Chu Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001393 ngày 17/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Bà Chu Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Hiền